**SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HẢI PHÒNG**

Trang bìa

1

HỘI THI “GIÁO VIÊN DẠY GIỎI” GIÁO DỤC MẦM NON CẤP THÀNH PHỐ, NĂM HỌC 2021-2022

**\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_**

**KẾ HOẠCH CHĂM SÓC GIÁO DỤC TRẺ**

 **ĐỘ TUỔI: 3 – 4 tuổi**

**CHỦ ĐỀ: “ĐỘNG VẬT”**

 **THỜI GIAN THỰC HIỆN: 04 TUẦN (TỪ 03/ 01 ĐẾN 28/ 01/2022)**

**CÁC CHỦ ĐỀ NHÁNH:- CÁC CON VẬT SỐNG TRONG GIA ĐÌNH**

 **- CON VẬT SỐNG DƯỚI NƯỚC**

 **- CON CÔN TRÙNG VÀ CON CHIM**

 **- CON VẬT SỐNG TRONG RỪNG**

 Tên giáo viên dự thi: **Hoàng Thị Mai**

 Ngày tháng năm sinh: **30/04/1992**

 Đơn vị công tác: **Trường mầm non An Sơn – Thủy Nguyên – Hải Phòng**

|  |
| --- |
| **Mã phách** |
|  |

***Hải Phòng, tháng 4 năm 2022***

**SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HẢI PHÒNG**

Trang bìa

2

HỘI THI “GIÁO VIÊN DẠY GIỎI” GIÁO DỤC MẦM NON CẤP THÀNH PHỐ, NĂM HỌC 2021-2022

**\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_**

**KẾ HOẠCH CHĂM SÓC GIÁO DỤC TRẺ**

**ĐỘ TUỔI: 3 - 4 tuổi**

**CHỦ ĐỀ: “ ĐỘNG VẬT”**

 **THỜI GIAN THỰC HIỆN: 04 TUẦN (TỪ 03/01 ĐẾN 28/01/2022)**

**CÁC CHỦ ĐỀ NHÁNH:- CÁC CON VẬT SỐNG TRONG GIA ĐÌNH**

 **- CON VẬT SỐNG DƯỚI NƯỚC**

 **- CON CÔN TRÙNG VÀ CON CHIM**

 **- CON VẬT SỐNG TRONG RỪNG**

|  |
| --- |
| **Mã phách:** |
| **Giám khảo 1** | **Giám khảo 2** | **Giám khảo 3** |

***Hải Phòng, tháng 4 năm 2022***

 **I. MỤC TIÊU – NỘI DUNG – HOẠT ĐỘNG CHỦ ĐỀ: ĐỘNG VẬT**

| **tt** | **Mục tiêu chủ đề: Động vật** | **Nội dung chủ đề: Động vật** | **Hoạt động chủ đề: Động vật** | **Địa điểm** **tổ chức** | **Con vật sống trong gia đình** | **Con vật sống dưới nước** | **Con côn trùng và con chim** | **Con vật sống trong rừng** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **I. LĨNH VỰC GIÁO DỤC PHÁT TRIỂN THỂ CHẤT** |  |
| **1.Phát triển vận động** |  |
| 1 | Thực hiện đủ các bước của động tác hô hấp trong bài tập thể dục theo hướng dẫn | Tập kết hợp 5 động tác cơ bản trong bài tập thể dục | - Hô hấp: Gà gáy, Vịt kêu, cá đớp mồi.- Tay: Hai tay ra trước lên cao.- Chân: Đưa từng chân ra trước nhún khuỵu gối. - Bụng: Cúi gập người tay chạm chân, - Bật: Bật chụm tách chân. | Ngoài trời | TDS | TDS | TDS | TDS |
| 2 | Giữ được thăng bằng khi bước lên, xuống bục cao 30cm | Bước lên, xuống bục cao 30cm | -Tiết học: Bước lên, xuống bục cao 30cm.-TC: + Thi bước lên xuống ghế thể dục+ Thi bước lên xuống bục cao | Ngoài trời |  | HĐH-HĐNT | HĐNT |  |
| 3 | Ném xa bằng 1 tay về phía trước theo khả năng | Ném xa bằng 1 tay | - Tiết học: Ném xa bằng 1 tay.- TC: + Ai ném xa nhất + Ném còn | Ngoài trời | HĐH - HĐNT |  | HĐNT |  HĐNT |
| 4 | Giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động đi kiễng gót liên tục 3m | Đi kiễng gót liên tục 3m | -Tiết học: Đi kiễng gót liên tục 3m-TC: + Thi đi kiễng gót | Ngoài trời |  |  HĐNT | HĐH |  |
| 5 | Bò/trườn theo hướng thẳng trong đường hẹp (3m x 0,4m) không chệch ra ngoài | Trườn theo hướng thẳng trong đường hẹp. | Tiết hoc: Trườn theo hướng thẳng trong đường hẹp. | Ngoài trời |  |  |  | HĐH |
| 6 | Biết chơi một số trò chơi dân gian, TCVĐ về chủ đề: Động vật. | Cho trẻ chơi TCDG-TCVĐ về chủ đề động vật. | TC: Mèo đuổi chuột, rồng rắn lên mây, ô tô và chim sẻ, thả đỉa ba ba, cắp cua, đi khà kheo, ném còn, gà trong vườn rau,… | Ngoài trời | TDS | HĐNT | TDS | HĐNT |
| **2. Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe** |
| 7 | Nói đúng tên một số thực phẩm quen thuộc, sẵn có tại địa phương | Nói đúng tên gọi một số thực phẩm quen thuộc có ở địa phương trẻ.  | -Trò chuyện: tên gọi một số thực phẩm quen thuộc có trong bữa ăn hàng ngày của trẻ ở nhà, ở trường: Tôm, thịt lợn, thịt gà, thịt bò, cua, cá,… | Lớp học | VSAN | VSAN | VSAN | VSAN |
| - Xem tranh gọi tên thực phẩm- TC: Thi ai kể đúng tên, Ai kể giỏi nhất | Lớp học | HĐC  | ĐTT |  |  |
| 8 | Phân biệt được màu sắc, kích thước, hình dạng, mùi vị của một số thực phẩm thông thường, sẵn có tại địa phương | Nhận biết màu sắc, kích thước, hình dạng, mùi vị của một số thực phẩm quen thuộc | - Xem tranh, ảnh một số thực phẩm của địa phương: tên gọi, màu sắc, kích thước, hình dạng, mùi vị,…- Xem clip về món ăn của địa phương:*+* *Đặc sản bánh đa cua, canh cua, canh cà ra,…**+ Một số món ăn: Vịt quay, chim quay, lợn quay,….**+ Hải sản tươi:Tôm, cua, cá, …*- Đàm thoại, trò chuyện với trẻ về một số thực phẩm: mùi vị, màu sắc,…- Cho trẻ phân biệt một số thực phẩm quen thuộc. | Lớp học | VSANĐTT | HĐC | VSAN | VSAN |
| 9 | Biết ý nghĩa của việc ăn để giúp cơ thể cao lớn, khỏe mạnh. Hình thành thái độ vui lòng chấp nhận và có hứng thú trong ăn uống, không kén chọn thức ăn | Giá trị dinh dưỡng của một số loại thực phẩm | - Trò chuyện về dinh dưỡng của các nhóm thực phẩm đối với cơ thể bé. -Trẻ xem clip về một số nhóm thực phẩm cần thiết với cơ thể:+ Nhóm tinh bột( gluxit): cơm, khoai, ngô, sắn,…+ Nhóm chất đạm( Protein): thịt bò, thịt lợn, thịt gà,, cá, trứng, tôm, cua,..+ Nhóm chất béo(Lipit): dầu ăn, các loại đậu, lạc,..+ Vitamin và muối khoáng: các loại hoa quả, rau xanh,..- Trò chơi: “ Nối đúng món ăn bé thích”- Thi “ Bé nào ăn giỏi” , “ Ai ăn nhanh” | Lớp học | ĐTT  | VSAN HĐC | ĐTT - VSAN | HĐG - VSAN |
| 10 | Biết chọn thực phẩm sạch, tươi ngon có lợi cho sức khỏe | Nhận biết và phân biệt thực phẩm/ thức ăn sạch, tươi ngon có lợi cho sức khỏe | - Quan sát tranh, xem clip về một số thực phẩm: tươi, không tươi, thức ăn sạch.- TC: Bé chọn món nào | Lớp học | ĐTT | HĐG | HĐC | ĐTT |
| **3. Nhận biết một số nguy cơ không an toàn và phòng tránh** |
| 11 | Biết tránh và không làm một số hành động nguy hiểm khi được nhắc nhở phù hợp độ tuổi | Nhận biết những việc làm có thể gây nguy hiểm cho bản thân (cười đùa khi ăn uống dễ gây sặc, ngậm hột hạt, tự ý uống thuốc/ ăn thức ăn lạ, không leo trèo bàn ghế , lan can, không theo người lạ, trêu động vật, hút thuốc lá có hại cho sức khỏe, không lại gần người đang hút thuốc lá,…) | -Cho trẻ xem clip những việc làm có thể gây nguy hiểm cho bản thân:+ Cười đùa khi ăn uống dễ gây sặc, ngậm hột hạt, tự ý uống thuốc ăn thức ăn lạ.+ Không leo trèo bàn ghế , lan can.+ Không theo người lạ, trêu động vật.+ Hút thuốc lá có hại cho sức khỏe, không lại gần người đang hút thuốc lá,…- Trò chuyện với trẻ những việc làm có thể gây nguy hiểm cho bản thân. | Lớp học | HĐNT | ĐTT | HĐC | HĐNT |
| - TC: Hành vi đúng - sai  |  | HĐG | HĐG | HĐG | HĐG |
| **II. LĨNH VỰC GIÁO DỤC PHÁT TRIỂN NHẬN THỨC** |  |  |
| **1. Khám phá một số đặc điểm bên ngoài, mối liên hệ giữa động vật và môi trường sống.** |  |  |
| 12 | Biết đặc điểm nổi bật và ích lợi của con vật, quen thuộc | Đặc điểm bên ngoài nổi bật của con vật và ích lợi của con vật, quen thuộc | - Trò chuyện về đặc điểm bên ngoài nổi bật: tiếng kêu, đặc điểm cấu tạo, môi trường sống, thức ăn, lợi ích…của các con vật mà trẻ đã biết. | Lớp học | ĐTT |  | ĐTT |  HĐC |
| - Cho trẻ quan sát các con vật thật, xem clip: + Con vật sống trong gia đình: Con mèo, con gà, con vịt,…+ Con vật sống dưới nước: Con cá, con cua, con tôm,..+ Con côn trùng, chim: Con dế, con bướm, con chim bồ câu,…+ Con vật sống trong rừng: Con vật hiền lành: con hươu, con nai, ..Con vật hung dữ: Con sư tử, con hổ, con gấu,… | HĐNT | HĐNT | HĐNT  | HĐNT  |
| - Tiết học: KP con cua |  | HĐH |  |  |
| - TC: + Con vật 2 chân – 4 chân + Tiếng kêu của con vật nào.+ Tìm đúng nhà cho con vật.+ Tìm đúng chuồng,.. |  HĐG | HĐG | HĐG | HĐG |
| 13 | Biết được mối liên hệ đơn giản giữa con vật quen thuộc với môi trường sống. Cách chăm sóc bảo vệ chúng | Quan sát mối liên hệ đơn giản giữa con vật với môi trường sống và cách chăm sóc bảo vệ | -Cho trẻ xem tranh, ảnh về các con vật quen thuộc và môi trường sống của nó:+ Con gà, con chó, con vịt,..là những con vật sống trong gia đình.+ Con cá, con tôm, con cua,.. sống ở dưới nước.+ Con gấu, con voi,.. là những con vật sống trong rừng,… - Trò chuyện về cách chăm sóc, bảo vệ các con vật và môi trường sống của nó: Cho ăn, thay nước,…-Trò chơi: +Thi nói nhanh, nói đúng, Ai đoán giỏi, +Tìm đúng thức ăn cho con vật,..+ Tìm đúng môi trường sống cho con vật, tìm đường về đúng chuồng, + Gạch con vật không cùng nhóm.+ Con vật đẻ trứng - con vật đẻ con, con vật hai chân - con vật bốn chân,..+ Con vật bé thích.+ Con vật hung dữ - Con vật hiền lành.+ Hành vi đúng - sai | Lớp học | HĐG | HĐG | HĐG | HĐG |
| 14 | Ích lợi của nước với đời sống con vật. | Ich lợi của nước với đời sống con vật. | -Trò chuyện về ích lợi của nước với đời sống con vật. | Lớp học | HĐNT |   | ĐTT | HĐC |
| **2. Làm quen với một số khái niệm sơ đẳng về toán** |
| 15 | Quan tâm đến số lượng và biết đếm trên các đối tượng giống nhau, đếm đến 5 và đếm theo khả năng | Đếm trên đối tượng trong phạm vi 5 và đếm theo khả năng | -Tiết học: Đếm đến 5-Trò chơi:+ Thêm vào( gạch bớt) cho đủ 5 con.+ Nối đúng số lượng+ Xếp xen kẽ, xếp logic.+ Cắp cua bỏ giỏ + Bé nào đếm giỏi | Lớp học | HĐG |  HĐG | HĐH -HĐG | HĐG |
| 16 | Biết so sánh 2 đối tượng về kích thước và nói được các từ: dài hơn / ngắn hơn | So sánh dài - ngắn của 2 đối tượng | - Tiết học: Dài hơn - ngắn hơn.- TC: + Chọn giống cô + Nhặt theo hiệu lệnh | Lớp học |  |  |  | HĐH |
| 17 | Nhận biết được phía trên - phía dưới, phía trước - phái sau, tay phải - tay trái của bản thân | Nhận biết được phía trên - phía dưới, phía trước - phái sau, của bản thân | - Tiết học: Nhận biết phía trước phía sau của bản thân.- TC: + Ai giỏi nhất + Ai nhanh hơn | Lớp học | HĐH |  |  |  |
| **III. LĨNH VỰC GIÁO DỤC PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ****1. Nghe hiểu lời nói** |  |  |
| 18 | Có khả năng nghe hiểu nội dung truyện kể, truyện đọc phù hợp với độ tuổi và chủ đề: động vật trong đó có một số truyện dân gian của địa phương. | Nghe hiểu nội dung truyện kể, truyện đọc phù hợp với độ tuổi và chủ đề: động vật trong đó có một số truyện dân gian của địa phương | -Kể cho trẻ nghe, xem video clip một số câu truyện về chủ đề động vật: + Động vật trong gia đình: Gà và vịt, Chú vịt xám, Vì sao mũi chó lại đen,..+ Con vật sống dưới nước: Cá và chim, Cá rô ron không vâng lời mẹ, cá cầu vồng,..+ Con côn trùng và con chim: Bác sĩ chim, Chim gõ kiến,..+ Con vật sống trong rừng: Vì sao hươu có sừng, Bác Gấu đen và hai chú thỏ,.. | Lớp học | HĐC |  | ĐTT | ĐTT |
| -Tiết học: + Truyện: Chú Rùa thông minh.  | Lớp học |  | HĐH |  |  |
| + Truyện: Bác gấu đen và 2 chú thỏ | Lớp học |  |  |  | HĐH |
| 19 | Có khả năng nghe các bài hát, bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, câu đố, hò, vè phù hợp với độ tuổi và chủ đề động vật. | Nghe các bài hát, bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, câu đố, hò, vè phù hợp với độ tuổi và chủ đề động vật. | -Đọc thơ, ca dao, đồng dao, câu đố, hò, vè về chủ đề động vật cho trẻ nghe:+ Thơ: Thỏ bông bị ốm, đàn gà con, ong và bướm, con chuồn chuồn, mèo đi câu cá, rong và cá, con voi, …+ Đồng dao: vè động vật, Con voi, Con cua,..+ Câu đố: Về con lợn, Con chó,.. | Lớp học | ĐTT | HĐC | HĐC | ĐTT |
|  **2. Sử dụng lời nói trong cuộc sống hằng ngày** |
| 20 | Sử dụng được các từ thông dụng chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm | Sử dụng các từ thông dụng chỉ hoạt động, đặc điểm của con vật. | -Trò chuyện, xem clip, quan sát thật, cho trẻ nói các từ hoạt động, đặc điểm của con vật: tiếng kêu,môi trường sống, đặc điểm bên ngoài,… | Ngoài trời | HĐNT | HĐNT | ĐTT | HĐNT |
| 21 | Có khả năng đọc thuộc bài thơ, ca dao, đồng dao phù hợp độ tuổi và chủ đề thực hiện. Có khả năng đọc biểu cảm bài thơ, ca dao, đồng dao phù hợp độ tuổi | Đọc bài thơ, ca dao, đồng dao phù hợp độ tuổi và chủ đề động vật. | - Cho trẻ đọc kết hợp cử chỉ điệu bộ, biểu cảm các bài thơ, ca dao, đồng dao, hò , vè, câu đố,. về chủ đề động vật. | Lớp học |  | ĐTT |  | HĐC |
| - Tiết học: + Thơ: Ong và bướm  | Lớp học |  |  | HĐH |  |
|  + Thơ: Đàn gà con. | Lớp học | HĐH |  |  |  |
| 22 | Có khả năng bắt chước giọng nói của nhân vật trong truyện | Tập đóng vai theo lời dẫn chuyện của giáo viên | TC: Bé tập kể chuyện:+ Bác gấu đen và 2 chú thỏ.+ Chú Rùa thông minh. | Lớp học | HĐG | HĐG | HĐG | HĐG |
| 23 | Biết cầm sách đúng chiều và mở sách, xem tranh và "đọc" truyện.  | Cầm sách đúng chiều, mở sách, xem tranh và "đọc" truyện.  | Trẻ biết cầm sách đúng chiều, mở sách, xem tranh và "đọc" truyện. Những quyển sách ngộ nghĩnh | Lớp học | HĐG | HĐG | HĐG | HĐG |
| **IV. LĨNH VỰC GIÁO DỤC PHÁT TRIỂN TÌNH CẢM KỸ NĂNG XÃ HỘI** |  |  |
| 24 | Biết biểu lộ cảm xúc vui, buồn, sợ hãi, tức giận | Biểu lộ trạng thái cảm xúc qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói; trò chơi; hát, vận động | - Xem tranh ảnh, clips, quan sát về một số trạng thái cảm xúc qua nét mặt: Vui, buồn,sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên.- Thực hành biểu lộ một số xúc cảm của bản thân: vui, buồn, sợ hãi,.. | Lớp học | ĐTT |  | ĐTT | HĐC |
| 25 | Thích chăm sóc con vật | Bảo vệ, chăm sóc con vật | -Trẻ thực hành chăm sóc con vật: + Cho con vật ăn: chó, mèo, cá, thỏ, chim bồ câu,..+ Thay nước cho bể cá…. | Ngoài trời | HĐNT | HĐNT | HĐNT | HĐNT |
| -Tiết học: Chú cá đáng yêu |  |  | HĐH |  |  |
| **V. LĨNH VỰC GIÁO DỤC PHÁT TRIỂN THẨM MỸ****1.** **Cảm nhận và thể hiện cảm xúc trước vẻ đẹp của thiên nhiên, cuộc sống và các tác phẩm nghệ thuật** |  |  |  |  |  |
| 26 | Chăm chú lắng nghe, và hưởng ứng cảm xúc (hát theo, vỗ tay, nhún nhảy, lắc lư, thể hiện động tác minh họa) theo bài hát, bản nhạc; thích nghe đọc thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ; thích nghe kể câu chuyện phù hợp với độ tuổi và chủ đề động vật. | Nghe bài hát, bản nhạc; thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ; kể chuyện phù hợp với độ tuổi và chủ đề động vật. | -Nghe và hưởng ứng một số bài hát: + Con vật sống trong gia đình: gà trống mèo con và cún con, chú mèo con, vì sao con mèo rửa mặt, con gà trống,… + Con côn trùng và con chim: chị ong nâu và em bé, con chim non, con chuồn chuồn,… | Lớp học | HĐC |  | ĐTT |  |
| + Con vật sống dưới nước: Cá vàng bơi, .. |  |  | ĐTT |  |  |
| + Con vật sống trong rừng: Chú thỏ con, Chú voi con ở bản Đôn,.. |  |  |  |  | ĐTT |
| - Nghe cô đọc một số bài thơ: Con bò, Rong và cá, Đàn gà con,…  |  | HĐC |  | HĐC |  |
| 27 | Biết hát tự nhiên, hát được theo giai điệu bài hát quen thuộc | Hát đúng giai điệu, lời ca bài hát  | -Tiết học: Hát: Con chim non,Chú thỏ con.- TC: + Ai nhanh nhất + Tai ai tinh | Lớp học |  |  | HĐH | HĐH |
| 28 | Có khả năng vận động theo nhịp điệu bài hát, bản nhạc (vỗ tay theo phách, nhịp, vận động minh họa) | Vận động đơn giản nhịp nhàng theo nhịp điệu của các bài hát | -Tiết học: VĐ: Con gà trống- TC: Gà gáy to – Gà gáy nhỏ | Lớp học | HĐH |  |  |  |
| **Thể hiện sự sáng tạo khi tham gia các hoạt động nghệ thuật (âm nhạc, tạo hình)** |
| 29 | Biết sử dụng các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra sản phẩm theo sự gợi ý | Sử dụng các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra các sản phẩm | -Làm một số con vật sống trong gia đình, con vật sống trong rừng, côn trùng, con vật dưới nước bằng các nguyên liệu khác nhau:+Làm con vật từ cuộn len, bông, vỏ quả trứng: Con gà, con vịt, con thỏ,..+ Làm các con vật từ vỏ hộp sữa chua và mút xốp: con lợn, con chó, con mèo, con voi, con sư tử,...+ Làm các con vật từ lõi giấy vệ sinh và giấy màu, từ các khối hộp, vỏ hộp sữa,..+ Làm con vật từ vỏ ngao, sò, ốc, hến và màu nước,.+ Làm các con vật từ lá cây: con cá, con chim, con trâu,… | Lớp học | HĐG | HĐG | HĐG | HĐG |
| - Trò chuyện: Về cách làm các con vật từ nguyên vật liệu.- Tiết học: Làm con trâu bằng lá mít | Lớp học | HĐH |  |  |  |
| 30 | Biết tô màu trong hình rỗng không chờm ra ngoài | Tô màu hình vẽ  | - Tô màu hình rỗng các con vật: con gà, con thỏ, con voi, con cá, con khỉ,… | Lớp học | HĐG - HĐC | HĐG - HĐC |  HĐG | HĐG |
|  - Tiết học: Tô màu con bướm,tô màu con thỏ |  |  |  | HĐH | HĐH |
| 31 | Biết xé theo dải, xé vụn và dán thành sản phẩm đơn giản | Xé theo dải, xé vụn và dán thành sản phẩm đơn giản  | - Xé giấy thành dải, xé vụn, dán thành một số con vật: con giun, cá, rắn,.. | Lớp học | HĐG | HĐG | HĐG | HĐG |
| -Tiết học: Xé dán con cá |  |  | HĐH |  |  |
| **Cộng số nội dung hoạt động phân bổ vào nhánh chủ đề** | **Chia theo****lĩnhvực** | **Tổng số: 31** |  |  |  |  |
| **Lĩnh vực thể chất** | **8** | **9** | **10** | **9** |
| **Lĩnh vực nhận thức** | **5** | **4** | **4** | **5** |
| **Lĩnh vực ngôn ngữ** | **6** | **6** | **6** | **6** |
| **Lĩnhvực TCKNXH** | **2** | **1** | **1** | **2** |
| **Lĩnh vực thẩm mỹ** | **5** | **4** | **6** | **5** |
| **Chia theo****hoạt động trong chế độ sinh hoạt** | **Đón - trảtrẻ** | **6** | **5** | **6** | **4** |
| **Thể dục sáng** | **2** | **1** | **2** | **`1** |
| **Hoạt động góc** | **8** | **8** | **8** | **9** |
| **Hoạt động ngoài trời** | **6** | **6** | **4** | **6** |
| **Vệ sinh – ăn ngủ** | **2** | **2** | **3** | **3** |
| **Hoạt động chiều** | **5** | **4** | **4** | **4** |
| **Tham quan dã ngoại** | **0** | **0** | **0** | **0** |
| **Lễ hội** | **0** | **0** | **0** | **0** |
| **Hoạt động học** | **5** | **5** | **5** | **5** |
| ***Chia cụ thể******hoạt động học*** | ***PTTC*** | **1** | **1** | **1** |  **1** |
| ***PTNT*** | **1** | **1** | **1** |  **1** |
| ***PTNN*** | **1** | **1** | **1** |  **1** |
| ***TCKNXH*** | **0** | **1** | **0** |  **0** |
| ***PTTM*** | **2** | **1** | **2** |  **2** |

**II. DỰ KIẾN KẾ HOẠCH CÁC CHỦ ĐỀ NHÁNH:**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tên chủ đề nhánh** | **Số tuần thực hiện** | **Thời gian thực hiện** | **Người phụ trách** | **Ghi chú về sự điều chỉnh (nếu có)** |
| **Con vật sống trong gia đình** | **1** | Từ 03/01 đến 07/01/2022 |  |  |
| **Con vật ở dưới nước** | **1** | Từ 10/ 01đến 14/01/2022 |  |  |
| **Con côn trùng và con chim** | **1** | Từ 17/01 đến 21/01/2022 |  |  |
| **Con vật sống trong rừng** | **1** | Từ 24 /01 đến 28/01/2022 |  |  |

**III. CHUẨN BỊ:**

|  | **Nhánh: “Con vật sống trong gia đình”** | **Nhánh: “Con vật ở dưới nước”** | **Nhánh:“Những con côn trùng và con chim”** | **Nhánh:“ Con vật sống trong rừng”** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Giáo viên** | - Xây dựng kế hoạch chủ đề, kế hoạch hoạt động,..- Tạo môi trường theo chủ đề nhánh: “Con vật sống trong gia đình”.- Một số con vật thật: con mèo, con thỏ,... - Thức ăn: cơm, cá, rau,..- Video về quá trình lớn lên của con vật( con gà), hoạt động của mèo.- Nhạc bài hát: Gà trống mèo con và cún con, Con gà trống,... - Nhạc các bài hát, thơ , truyện... về con vật sống trong gia đình- Tranh ảnh, lô tô, về con vật sống trong gia đình... - Clip, bảng về quá trình phát triển của con vật ( con gà, ...)- Rèn trẻ chủ động làm vệ sinh, giữ vs chung, phòng bệnh Corổna, quai bị, ...- Giao nhiệm vụ cho trẻ: Quan sát, tên, đặc điểm, tiếng kêu, cách vận động, sinh sản, ích lợi, chăm sóc.....- Tuyên truyền, gửi clip về cách chăm sóc trẻ khi bi F0 tại nhà. | - Tạo môi trường theo chủ đề nhánh: “ Con vật sống dưới nước”.- Tranh, ảnh, video về một số con vật sống dưới nước- Bể cá: Cá thật, tôm, cua, ..- Thức ăn cho cá- Một số con vật thật: Cá vàng, con tôm, con cua,...- Video truyện Cá cầu vồng, Rong và cá- Nhạc beat bài hát: Cá vàng bơi, - Rèn trẻ chủ động làm vệ sinh, giữ vs chung, phòng bệnh Corổna, đau mắt, viêm phổi- Giao nhiệm vụ cho trẻ: quan sát con cá- Tuyên truyền với PH về công tác vệ sinh, phòng bệnh (phòng bệnh covid , thuỷ đậu...) | - Tạo môi trường theo chủ đề nhánh: “ Con côn trùng và con chim”.- Một số tranh, video về con côn trùng và con chim...- Tranh về một số loại bướm- Lồng chim bồ câu, con dế- Thức ăn cho chim, thóc- Beat nhạc: Con bướm vàng, con chuồn chuồn,...- hình ảnh, Video vòng đời của bướm.- Tuyên truyền, gửi clip về cách chăm sóc trẻ khi bi F0 tại nhà. | - Tạo môi trường theo chủ đề nhánh: “ Con vật sống trong rừng”.- Video, hình ảnh về một số con vật sống trong rừng: con vật hung ác, hiền lành- Rối truyện: Bác gấu đen và 2 chú thỏ- Bộ mô hình con vật sống trong rừng bằng nhựa- Nhạc: Chú voi con ở bản đôn, Chú thỏ con,....- Đồ dùng trong ăn uống, sinh hoạt, 1 số thực phẩm ( trứng, cá, tôm...)..- Một số rối: thỏ, gấu, cáo, ...- Mô hình: Khu rừng- Hình ảnh, tranh, lô tô về con vật sống trong rừng thỏ, gấu, cáo,...- Clip, bảng về quá trình phát triển của con thú( con Thỏ ...)- Nhạc các bài hát, thơ , truyện... về con vật sống trong rừng- Rèn trẻ chủ động làm vệ sinh, giữ vs chung - Giao nhiệm vụ cho trẻ- Tuyên truyền phát tờ rơi với PH về một số bệnh lạ (Corổna, dị ứng thời tiết...), về công tác vệ sinh, dinh dưỡng, phòng bệnh |
| * Trao đổi với phụ huynh, với trẻ về chủ đề nhánh, xin phụ huynh ủng hộ nguyên học liệu: Vỏ hộp, lõi giấy, vỏ chai, các nguyên vật liệu thiên nhiên, phế thải,...
* Tham mưu với nhà trường cấp phát một số tranh ảnh về chủ đề động vật: Mô hình con vật, tranh ảnh,...
 |  |
| **Nhà trường** | - Cấp phát đồ dùng phù hợp với chủ đề, kịp thời: Tranh ảnh, đồ dùng đồ chơi về chủ đề động vật nuôi trong gia đình: Mô hình con vật, Chuồng nuôi một số con vật ở ngoài trời | -Cấp phát bể cá, thức ăn cho cá,.. | -Cấp phát đồ dùng nguyên học liệu: Keo, nến dính,..- Cấp phát mô hình các con côn trùng: bướm, ong,.. | - Cấp phát mô hình con vật sống trong rừng: Con gấu, con hổ, con hươu ,.. |
| **Phụ huynh** | - Cho trẻ đi học đều đón, đưa đón trẻ đúng giờ, kí sổ đúng thời gian quy định....- Vệ sinh sạch sẽ cho trẻ, đeo khẩu trang , mặc trang phục đẹp, gọn gàng, mang thêm quần áo cho trẻ. Phòng bệnh covid19 cho trẻ.- Trao đổi tình trạng sức khỏe của trẻ với cô qua zalo, .... Hạn chế cho trẻ đến chỗ đông người.- Trò chuyện về các con vật ...gần gũi, về cách chăm sóc con vật, xử lí và phòng tránh bị con vật cắn. - Trò chuyện về các phong tục của địa phương- Ủng hộ: con vật , trứng gà, cá....thật- Cập nhật thường xuyên thông tin về dịch bệnh - Tham gia tiêm vacxin phòng nhiễm bệnh covid 19 trong cộng đồng. |
| **Trẻ** | - Tâm thế trang phục gọn gàng- Quan sát các con vật: sống trong gia đình, sống dưới nước, sống trong rừng, một số con côn trùng và con chim về: tên gọi, đặc điểm, hình dáng, môi trường sống, thức ăn, tiếng kêu,... | - Gọn gàng sạch sẽ- Ngoan, thực hiện tốt các nề nếp ăn, ngủ,vệ sinh, học , chơi....- Tìm hiểu về 1 số con vật dưới nước. Trò chuyện về cách vận động của con vật- Cùng cô tạo ra một số sản phẩm về con vật dưới nước | - Gọn gàng sạch sẽ- Ngoan,Tìm hiểu về các con vật nuôi. Biết phân loại con vật- Cùng cô tạo ra một số sản phẩm về con vật- Tìm hiểu về nhiệm vụ cô giao  | - Gọn gàng sạch sẽ- Ngoan ngoãn, thực hiện các nề nếp- Tìm hiểu về nhiệm vụ cô giao- Cùng cô tạo ra một số sản phẩm về chủ đề động vật |

**IV. KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNGTOÀN CHỦ ĐỀ:**

| **TT** | **Hoạt động** | **Phân phối vào các ngày trong tuần** | **Ghi chú** |
| --- | --- | --- | --- |
| **Thứ 2** | **Thứ 3** | **Thứ 4** | **Thứ 5** | **Thứ 6** |
| **1** | **Đón trẻ** | -Trò chuyện, xem clip, quan sát thật về các con vật nuôi trong gia đình, con vật sống trong rừng, con vật sống dưới nước và một số con côn trùng, con chim: tên gọi, hoạt động, tiếng kêu, môi trường sống, đặc điểm bên ngoài, thức ăn,…- Trò chuyện về dinh dưỡng của các nhóm thực phẩm đối với cơ thể bé. Giáo dục trẻ ăn các loại thức ăn, không kén chọn, ăn hết xuất cơm của mình.-Trò chuyện: tên gọi một số thực phẩm quen thuộc có trong bữa ăn hàng ngày của trẻ ở nhà, ở trường: Cơm, canh, thịt, trứng, sữa, quả,…- Nghe bài hát, bản nhạc, bài thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ, kể chuyện phù hợp với độ tuổi và chủ đề động vật:+ Con vạt nuôi: Con bò, chú mèo con, vì sao con mèo rửa mặt, gà trống mèo con và cún con, con gà trống,… . + Con vật sống dưới nước: “Cá vàng bơi”, Con cua,…+ Con vật sống trong rừng: Chú voi con ở Bản Đôn, Chú thỏ con+ Côn trùng và chim: Con chuồn chuồn, chị ong nâu và em bé, con chim non,...- Xem tranh ảnh, clips, quan sát thực hành về một số trạng thái cảm xúc qua nét mặt: Vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên.- Xem clip, trò chuyện với trẻ những việc làm có thể gây nguy hiểm cho bản thân: cười đùa khi ăn uống dễ gây sặc, ngậm hột hạt, tự ý uống thuốc ăn thức ăn lạ, không leo trèo bàn ghế , lan can, không theo người lạ, trêu động vật, hút thuốc lá có hại cho sức khỏe, không lại gần người đang hút thuốc lá,…- Trẻ chơi tự do trong các góc |  |
| **2** | **Thể dục sáng** | * Khởi động: Cho trẻ đi vòng tròn kết hợp các kiểu đi: Khom lưng, đi kiễng gót, chạy chậm, chạy nhanh, về đội hình 3 hàng dọc:

- Trọng động: Tập BTPTC: Tập 5 động tác kết hợp với bài hát: “Cá vàng bơi” + Hô hấp: Gà gáy  + Tay: Hai tay đưa ra trước lên cao. + Chân: Đưa từng chân ra trước nhún khuỵu gối. + Bụng - lườn: hai tay chống hông quay người sang hai bên 90 độ. + Bật: Bật chụm tách chân. + TCVĐ: Mèo đuổi chuột, Mèo và chim sẻ, Ô tô và chim sẻ, Gà trong vườn rau,..* Hồi tĩnh: Cho trẻ đi nhẹ nhàng quanh sân tập 1-2 vòng.
 |  |
| **3** | **Hoạt động học** | **Con vật sống trong gia đình. Từ:03/1-7/1/2022** | PTTCNém xa bằng một tay | PTNTNhận biết phía trước phía sau của bản thân. | PTTMVận động: Rửa mặt như mèo | PTNNThơ: Đàn gà con | PTTMLàm con trâu bằng lá mít |  |
| **Con vật sống dưới nước. Từ 10/1-14/1/2022** | PTNNChú Rùa thông minh | PTTMXé dán con cá  | PTNTKP: Con cua | PTTCTrườn theo hướng thẳng trong đường hẹp. | PTTCKNXHChăm sóc con cá |
| **Con Côn trùng và con chim(21/3-25/3)** | PTTMDạy hát: Con chim non  | PTTCBước lên, xuống bục cao 30cm | PTNTĐếm đến 5 | PTNNOng và bướm | PTTMTô màu con bướm |  |
| **Con vật sống trong rừng(28/3-1/4)** | PTTCĐi kiễng gót liên tục 3m. | PTNTSo sánh dài ngắn | PTTMDH: Chú voi con ở bản Đôn | PTNNBác Gấu đen và 2 chú thỏ | PTTMTô màu con thỏ |  |
| **4** | **Hoạt động ngoài trời** | **Con vật sống trong gia đình. Từ:03/1-7/1/2022** | - Quan sát: Chuồng gà của cô cấp dưỡng ở trường mầm non.- TCDG: Mèo đuổi chuột- Chơi tự do ở khu vực dân gian của trường. | * Quan sát: Chăm sóc các con gà của các cô cấp dưỡng.
* TCVĐ: Ném xa bằng 1 tay.

-Chơi tự do tại khu vực cát nước: câu cá, vật chìm nổi. | * Quan sát: Quang cảnh sân trường
* TCVĐ: Lộn cầu vồng ném còn, mèo đuổi chuột
* Lao động: Lau lá cây hoa bỏng của trường.

-Chơi tự do tại khu đồ chơi thể chất của trường. | - Quan sát: Bếp ăn của trường- TCDG: Gà trong vườn rau- Chơi tự do ở khu vực cầu trượt trong sân trường. |  - Quan sát: Các cô cấp dưỡng chế biến món ăn cho trẻ.- TCVĐ : Mèo đuổi chuột.- Chơi tự do ở góc sách của trường. |  |
| **Con vật sống dưới nước. Từ 10/1-14/1/2022** | - Quan sát: Các cô cấp dưỡng chế biến món cá, tôm, thịt,..-TCDG: Thả đỉa ba ba- Chơi tự do ở khu dân gian của trường. | * Quan sát: Vườn rau cải của trường.
* TCVĐ: Bước lên xuống bục cao,
* Chơi tự do: chơi với đồ chơi trong sân trường.
 | * Quan sát: Bể cá
* TCVĐ: Lộn cầu vồng....

-Chơi tự do tại khu vực cát nước: câu cá, vật chìm nổi, đóng gạch từ cát ẩm. | * Quan sát: Cá ăn, thay nước cho bể cá

- TCVĐ: Chìm nổi- Chơi tự do: chơi với đồ chơi trong sân trường. | * Quan sát: Bếp ăn của trường mầm non
* TCVĐ: Lộn cầu vồng...
* Chơi tự do: chơi với đồ chơi trong sân trường
 |
| **Con Côn trùng và con chim(21/3-25/3)** | * Quan sát: vườn rau của cô lao công
* TCVĐ: Thi bước lên xuống ghế thể dục.
* Chơi tự do: chơi với đồ chơi trong sân trường
 | * Quan sát: Con chim bồ câu của trường .
* TCVĐ: Ném xa,
* Chơi tự do tại khu vực cát nước: câu cá, vật chìm nổi, đóng gạch từ cát ẩm.
 | - Quan sát: Bồn hoa mẫu đơn của trường- TCDG: Chim sẻ và ô tô- Chơi tự do tại khu vực thiên nhiên của trường. | * Quan sát: Cánh đồng trước cổng trường mầm non.
* TCVĐ: Ai ném xa nhất
* Chơi tự do: chơi với đồ chơi trong sân trường.
 | * Quan sát: Con sâu ở vườn rau
* TCVĐ: Gà trong vườn rau.
* Chơi tự do: chơi với đồ chơi trong sân trường
 |  |
| **Con vật sống trong rừng(28/3-1/4)** | - Quan sát: Con bướm.- TCDG: Mèo và chim sẻ- Chơi tự do: Chơi với cầu trượt trong sân trường. | * Quan sát: Con chim
* TCVĐ: Ô tô và chim sẻ.
* Chơi tự do tại khu vực cát nước: đóng gạch từ cát ẩm.
 | * Quan sát:Quang cảnh sân trường
* TCVĐ: Ai ném xa nhất

- Chơi tự do tại khu vực cát nước: câu cá, vật chìm nổi. | - Quan sát: Bếp ăn của trường- TCDG: Rồng rắn lên mây* Chơi tự do tại khu trò chơi dân gian của trường.
 | - Quan sát : Thời tiết- TCDG: Ném còn- Chơi tự do ở khu thiên nhiên của trường. |  |
| **5** | **Vệ sinh, ăn, ngủ** | - Kể tên gọi một số thực phẩm quen thuộc có trong bữa ăn hàng ngày của trẻ ở nhà, ở trường: Cơm, canh, thịt, trứng, sữa, quả,… -Nói một số nhóm thực phẩm cần thiết với cơ thể:+ Nhóm tinh bột( gluxit): cơm, khoai, ngô, sắn,…+ Nhóm chất đạm( Protein): thịt bò, thịt lợn, thịt gà,, cá, trứng, tôm, cua,..+ Nhóm chất béo(Lipit): dầu ăn, các loại đậu, lạc,..+ Vitamin và muối khoáng: các loại hoa quả, rau xanh,..- Ăn các loại thức ăn, không kén chọn, ăn hết xuất cơm của mình.- Thi: “ Bé nào ăn nhanh”, “ Bé nào ăn giỏi”, “ Đố bé món gì?”,… |  |
| **6** | **Hoạt động chiều** | **Con vật sống trong gia đình. Từ:03/1-7/1/2022** | - Trẻ xem clip về một số nhóm thực phẩm cần thiết với cơ thể:+ Nhóm tinh bột( gluxit): cơm, khoai, ngô, sắn,…+ Nhóm chất đạm( Protein): thịt bò, thịt lợn, thịt gà,, cá, trứng, tôm, cua,..+ Nhóm chất béo(Lipit): dầu ăn, các loại đậu, lạc,..+ Vitamin và muối khoáng: các loại hoa quả, rau xanh,..* Chơi tự do
 | - Xem video về các con vật trong gia đình bé: Giáo dục trẻ bảo vệ và chăm sóc con vật gần gũi.- Chơi tự do | - Nghe hát: Rửa mặt như mèo.- Chơi tự do. | - Nghe một số bài thơ phù hợp với độ tuổi: Chú bò tìm bạn, - Làm vệ sinh lớp học: + Lau đồ chơi/giá đồ chơi+ Lau bàn ghế | -Văn nghệ nêu gương cuối tuần. |  |
| **Con vật sống dưới nước. Từ 10/1-14/1/2022** | - Ôn luyện, nhận biết một số món ăn, thức ăn sạch, tươi ngon có lợi cho sức khỏe: Cơm, cháo, phở,...- Chơi tự do. | - Cho trẻ làm quen một số bài thơ về chủ đề: Rong và cá.- Chơi theo ý thích. | - Ôn luyện một số bài hát, bài thơ phù hợp với độ tuổi: cá vàng bơi.- Chơi tự do. | - Làm vệ sinh lớp học: + Lau đồ chơi/giá đồ chơi+ Lau bàn ghế.* Chơi tự do
 | - Văn nghệ nêu gương cuối tuần. |
| **Con Côn trùng và con chim(21/3-25/3)** | - Hát vận động đơn giản : Chú voi con ở bản Đôn.- Chơi theo ý thích của trẻ | - Xem clip về các con côn trùng và con chim quanh bé.- Hoàn thành bài tô màu ở góc nghệ thuật còn dở.- Chơi tự do. | -Trò chuyện, xem clip về một số hành động có thể gây nguy hiểm cho bản thân trẻ: cười đùa khi ăn uống, ngậm hột hạt, trêu các con vật,..- Chơi tự do. | - Ôn luyện một số việc làm bảo vệ chăm sóc con vật gần gũi.- Chơi tự do | - Văn nghệ nêu gương cuối tuần.. |  |
| **Con vật sống trong rừng(28/3-1/4)** | -Đọc một số bài thơ về chủ đề : ong và bướm.- Chơi tự do | -Vận động theo ý thích khi hát ,nghe các bài hát, bản nhạc quen thuộc: Con chim non.- Chơi theo ý thích. | - Ôn bài hát: Con chim non- Chơi theo ý thích của trẻ. | - Ôn luyện dài hơn - ngắn hơn- Cho trẻ xếp chồng các khối hình khác nhau- Chơi tự do | - Văn nghệ nêu gương bé ngoan.- Giúp cô cất chủ đề động vật, Gợi mở ra chủ đề mới. |  |

**V. KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG GÓC CHI TIẾT:**

| **tt** | **Tên góc chơi** | **Mục đích – Yêu cầu** | **Các hoạt động / trò chơi trong góc chơi** | **Chuẩn bị**  | **Phân phối vào nhánh** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **N1** | **N2** | **N3** | **N4** |
| **1** | **Góc phân vai** | **1.Nấu ăn: - Nhà hàng hải sản.****- Cửa hàng ăn uống.****- Đặc sản Rừng và Biển.** | -Trẻ biết lựa chọn thực phẩm, nấu món ăn đơn giản từ các loại động vật: tôm, cua, cá- Biết nấu những món ăn mà mình thích- Biết phản ánh theo đúng vai chơi của mình: Chơi các vai chơi và hành động phù hợp với vai chơi, biết kết hợp chơi cùng bạn. | * Đeo thẻ, mặc áo đội mũ, đeo khẩu trang, gang tay,bàn bạc phân công công việc.

-Lấy, cất, thao tác với đồ dùng nấu ăn: Mua bán thực phẩm, Rửa thực phẩm, cắt, thái, nấu, cho ra bát, mời khách ăn. | - Đồ dùng đồ chơi, bếp gas, đĩa, chảo, thẻ, tạp dề, bộ đồ nấu ăn,…- Bảng quy trình chế biến. | x | x | x | x |
| -Thực phẩm: Thịt gà, thịt lợn, rau, thịt bò,.. | x |  |  |  |
| - Thực phẩm: Tôm, cua, cá,.. |  | x |  |  |
| -Thực phẩm: Chim trời. châu chấu, chim, ong |  |  | x |  |
| -Thực phẩm: Thịt thỏ, nai,…  |  |  |  | x |
| **2.Bác sĩ: - Bác sỹ thú y.** | - Biết các thao tác khám bệnh và chữa bệnh( khám bệnh, cách tiêm, phát thuốc,..)- Trẻ biết giao tiếp giữa người khám và người bệnh ( hỏi thăm tình hình sức khỏe, tư vấn cách chăm sóc tình hình sức khỏe, kê đơn, bán thuốc) | * Mặc áo, đội mũ, đeo thẻ, đeo khẩu trang, đeo tai nghe,.. lấy đồ dùng khám bệnh đồ dùng bác sĩ.
* Chào hỏi bệnh nhân, khám đơn giản.
 | - Đồ dùng dụng cụ bác sĩ, y tá: Mũ, áo, tai nghe, kim tiêm,..- Một số loại vỏ hộp thuốc, bìa thuốc. | x | x | x | x |
| **3.Bán hàng:****-Cửa hàng con giống.****- Cửa hàng thú nhồi bông** | - Người bán hàng biết cách chào hỏi khách, giới thiệu các mặt hàng, tên hàng, giá tiền, lấy tiền( trả lại tiền thừa).- Biết lau dọn, sắp xếp đồ dùng gọn gàng - Người mua: Biết nói thứ cần mua, hỏi giá tiền, biết trả tiền, nhận hàng, trật tự chờ đến lượt. | -Người bán hàng: Chào hỏi khách, giới thiệu tên các mặt hàng, tên hàng, giá tiền, lấy tiềnNgười mua: trả tiền, nhận hàng, trật tự chờ đến lượt.- Lấy, cất đồ dùng đồ chơi | - Bảng giá tiền, tiền, cân, đồ chơi,..-Thẻ chơi. | x | x | x | x |
| - Đồ chơi: Chó, mèo, gà, vịt, trâu, bò,..Cám cò, cám rón, thức ăn cho cá, cho gà,... | x |  |  |  |
| -Đồ chơi: Con cá, con cua, con tôm, cá voi,.. |  | x |  |  |
| -Đồ chơi: Con chim, con ong, con bướm,.. |  |  | x |  |
| -Đồ chơi: Con voi, con khỉ,... |  |  |  | x |
| **2** | **Góc xây dựng** | **Xây vườn bách thú.****Xây ao thả cá.****Xây trang trại chăn nuôi nhà bé.** | -Biết phối hợp sắp xếp các nguyên vật liệu đồ chơi, gạch, cây hoa, cỏ để tạo thành khu nhà có ao cá, chuồng trại có các khu nuôi trồng riêng biệt, vườn bách thú.- Biết cách nhập vai chơi tốt xây dựng cân đối các phần của mô hình phù hợp theo yêu cầu. | -Về góc chơi, đeo thẻ, phân công công việc trong nhóm, xây mô hình vườn ao, chuồng trại đơn giản- Đi mua con giống về thả….. | + Đồ dùng xây dựng mô hình rời: cổng, hàng rào, cây cối, gạch, khối hộp**+** Thẻ chơi. | x | x | x | x |
| -Mẫu :+ Mô hình trang trại chăn nuôi.-Nguyên liệu :**+** Xe kéo để đưa cỏ đi phân phối cho các khu nuôi.+ Nhà để chứa thức ăn cho con vật.. | x |  |  |  |
| **+** Con giống : Cá, tôm, rong rêu,-Mẫu :**+** Mô hình ao cá-Nguyên liệu :+ Con giống : Cá, tôm, rong rêu,.. |  | x |  |  |
| -Mẫu :**+** Mô hình chim cảnh. **+** Mô hình vườn bách thú.-Nguyên liệu :+ Một số con vật : voi, thỏ, gấu,..+ Một số cây : Cây to, cây nhỏ, cỏ,…+ Một số lồng chim,.. |  |  | x | x |
| **3** | **Góc****sách** | **- Mèo con xem sách.****- Xem sách cùng thỏ con.** | - Biết lựa chọn sách, cách lật mở từng trang sách, xem truyện, gọi tên bức tranh, kể chuyện theo tranh.- Biết sử dụng vốn từ, tranh rối để kể thành câu chuyện theo ý thích.- Biết lấy cất sách, giữ gìn không làm rách sách.- Biết xem và nghe đọc các loại sách khác nhau. | - Xem tranh về chủ đề động vật.- Xem album về các con vật- Lựa chọn sách, xem sách, lật mở từng trang sách, kể chuyện theo tranh, theo rối dẹt, kể truyện sáng tạo...  | - Tranh ảnh, album, sách truyện về chủ đề động vật. | x | x | x | x |
| -Tranh ảnh, sách tranh, truyện về con gà, con chó, con mèo, con vịt,..- Sách tranh ảnh về thức ăn của chúng.- Rối, rối dẹt con gà, con mèo,.- Sa bàn bài thơ: Đàn gà con | x |  |  |  |
|  -Tranh ảnh, album, sách truyện về con cá, con cua, con tôm, mực,..-Tranh, ảnh về môi trường sống của chúng,..- Rối tay, rối dẹt con cá- Sa bàn bài thơ: Rong và cá, Chú Rùa thông minh. |  | x |  |  |
|  -Sách tranh, sách truyện, album về các con côn trùng: Con chim, con bướm,..- Sa bàn, rối dẹt bài thơ: Ong và bướm |  |  | x |  |
| -Sách tranh, ảnh, truyện về các con vật trong rừng: hươu, nai, hổ,..- Rối, sa bàn truyện: Bác gấu đen và hai chú thỏ |  |  |  | x |
| **4** | **Góc****học tập** | **-Mèo con thi tài.****-Thỏ con thi tài** | -Trẻ biết chơi theo mẫu: Xếp theo mẫu, xếp xen kẽ,...- Trẻ biết gài tranh về: Tìm thức ăn cho con vật nuôi, tìm dấu chân,..biết gọi tên tranh.- Chắp ghép hình một số con vật.- Trẻ biết so hình các con vật. | **- TCKPCĐ:****+** Vật nuôi nhà bé+ Tìm đường về chuồng+ Tìm thức ăn cho tôi+ Tìm nhà cho tôi.+ Những con vật dưới nước.+ Những con vật sống trong rừng.+ Côn trùng và các loại chim. | - Bảng chơi: có mẫu chơi:+ Bảng nối đúng số lượng+ Bảng phân loại các con vật+ Bảng môi trường sống,..+ Bảng bù bộ phận còn thiếu,…- Lô tô các con vật: +Sống trong gia đình: Chó, gà, lợn, mèo,..+ Con vật sống trong rừng:Gấu , voi, hươu,.. |  |  |  |  |
|  |  | **- Chú Rùa thông minh****- Khỉ con nhanh trí.**  | - Trẻ biết phân loại, phân nhóm con vật hai chân- con vật bốn chân. Con vật đẻ trứng- con vật đẻ con. Con vật hung dữ-Con vật hiền lành.- Biết nối đúng môi trường sống cho các con vật, tìm đường về đúng chuồng, nối đúng số lượng trong phạm vi 4.- Biết chơi các trò chơi dân gian.- Biết cất dọn đồ dùng sau khi chơi. | **-TCPTTD:**+ Gà lớn lên như thế nào.+ Phân loại con vật đẻ trứng- đẻ con.+ Phân loại con vật 2 chân - con vật 4 chân.+ Bé ghép tranh các con vật+ Con vật hung dữ- hiền lành.+ Nối đúng môi trường sống+ Các con vật sống ở đâu+ Bù bộ phận còn thiếu.+ Bé chơi so hình**-TCLQvới toán :**+ Nối đúng số lượng + Xếp theo mẫu+ Xếp xen kẽ+ Hành vi đúng sai-**TCDG**:+ Cắp cua+ Ô ăn quan | + Con côn trùng: Con chim, con bướm, con ong,..- Lô tô thức ăn các con vật- Bút dạ, giẻ lau. | x | x | x | x |
|  |  |  | - Trẻ biết cách tô màu, xé dán, văn giấy, chắp ghép, gắn, nối, in ấn, nặn,.. để tạo ra một số | -Vẽ, tô màu, xé dán, in màu, các con vật:+ Trong gia đình: con gà, con mèo, con chó,… | - Tranh rỗng, giấy màu, keo, đề can, xốp vụn, vải len,.. |  |  |  |  |
| **5** | **Góc****Tạo hình** | **-Sáng tạo cùng Gà con.****- Thỏ con khéo tay** | sản phẩm tạo hình( tô màu con gà, con thỏ, con cá, con thỏ, xé dán đàn ca, nặn con giun,...- Biết làm đồ chơi bằng nguyên vật liệu thiên nhiên, vật liệu phế thải.- Biết tự đặt tên cho sản phẩm của mình.- Biết cảm nhận cái đẹp có ý thức giữ gìn các sản phẩm tạo hình do mình tạo ra và của bạn.- Biết thể hiện các hình ảnh màu sắc sinh động vào bài của mình- Biết sắp xếp bố cục hợp lí. | + Con vật sống dưới nước: con cá, con tôm, con cua,..+ Con côn trùng và con chim: Con ong, con bướm, con chim,.. + Con vật sống trong rừng: Con voi, con khỉ, con thỏ, con hổ,..-Làm các con vật từ các nguyên vật liệu thiên nhiên, phế thải:+ Làm con gà, con vịt từ vỏ trứng và bông+ Làm các con trâu con bò, con mèo con hổ,.. từ vỏ hộp sữa chua, lõi giấy vệ sinh,..+ Làm con trâu, con chim, con cá từ lá cây khô,…+ Làm đàn cá từ nắp chai bỏ đi, từ sỏi, vỏ ngao, sò, vỏ lạc, chấu,…+ Nặn các con vật mà trẻ thích,.. | - Bút màu, đất nặn, giấy vẽ, vật liệu thiên nhiên, vật liệu phế thải. | x | x | x | x |
|  -Mẫu: + Tranh tô màu sáp, chấm màu nước các con vật: con mèo, con gà,..+ Các con vật bằng nguyên vật liệu thiên nhiên, phế thải: Con gà bằng vỏ trứng, con mèo bằng lõi giấy , con trâu bằng lá mít,…-Nguyên liệu:bông, vỏ trứng, lõi giấy, vỏ hộp sữa, vỏ ngao, sò, đè can, giấy màu, … | x |  |  |  |
| -Mẫu:+ Tranh tô màu sáp, nước, chấm màu các con vật: cá, tôm, cua,.. |  |  |  |  |
| + Con vật từ nguyên vật liệu: Con cá bằng lá cây, con cá bằng nắp chai, con cua bằng vỏ sò và đề can, con rùa bằng quả bóng,.. |  | x |  |  |
| -Mẫu:+ Các con vật từ nguyên vạt liệu thiên nhiên: Con chim bằng lá cây, con bướm từ lõi giấy, con ong từ vỏ hộp sữa,..-Chuẩn bị nguyên liệu:+ Sáp màu, màu nước, giấy màu,.+ Lõi giấy, lá cây khô, vỏ hộp sữa,.. |  |  | x |  |
| -Mẫu:+ Các con vật: thỏ, hươu, nai, voi, khỉ,,, tô màu nước, sáp màu, chấm màu,..+ Các con vật làm từ nguyên vật liệu thiên nhiên, phế thải: Con công từ vỏ hộ sữa chua, con khỉ, con hổ, con voi từ lõi giấy,.. -Chuẩn bị nguyên liệu: Lõi giấy, bông,, chấu, màu sáp, giấy màu, … |  |  |  | x |

**VI. KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG HỌC CHI TIẾT NHÁNH 1: “ Con vật sống trong gia đình”.**

***Thứ hai, ngày 3 tháng 01 năm 2022***

* **Tên hoạt động học: Ném xa bằng một tay**

 **- Thuộc lĩnh vực: PTTC**

**I.Mục đích yêu cầu**

- Trẻ biết ném xa bằng 1 tay, nhớ tên vận động.

- Rèn kĩ năng ném xa bằng 1 tay đúng kĩ thuật, phát triển cơ tay cho trẻ, rèn sự nhanh nhẹn khi tham gia các hoạt động.

- Trẻ hứng thú tập và tích cực tham gia vào các hoạt động.

**II. Chuẩn bị:**

- Vạch mốc.

- Dung cụ: Sắc xô, giấy báo cũ, bóng, côn.

- Nhạc bài hát: Đàn gà trong sân, Con gà trống

**III. Tiến hành**

**1. Hoạt động 1: *Gà con dạo chơi***

- Cô và trẻ làm gà mẹ và gà con đi dạo chơi đi các kiểu đi ( Đi thường, đi kiễng gót, khom lưng, đi nhanh, đi chậm, chạy chậm, chạy nhanh) kết hợp với bài hát ‘Đàn gà trong sân”

- Về đội hình vòng tròn.

**1. Hoạt động 2:*Tập cùng gà con***

**a.BTPTC : Tập ghép với bài hát ‘Con gà trống’’** ( thực hiện 4 lần 2 nhịp)

 - ĐT tay: Hai tay đư ra trước lên cao

 - ĐT chân: Đứng khuỵu gối

 - ĐT bụng: Quay người sang 2 bên

 - ĐT bật: Bật chụm tách chân

\* ĐT nhấn mạnh: ĐT tay ( Tập 2 lần)

- Cho trẻ nói ý tưởng với những tờ giấy ( gấp máy bay, xé dải, vo tròn làm bóng)

- Cô khái quát lại ý tưởng chơi với giấy của trẻ.

- Hướng dẫn trẻ vo giấy thành bóng và chơi với bóng giấy theo ý thích.

**b. VĐCB: Ném xa bằng 1 tay**

- Cô giới thiệu vận động:  Ném xa bằng 1 tay

- Cho 1-2 trẻ lên ném thử

- Cô tập mẫu:

 + Lần 1: Tập không phân tích động tác

 + Lần 2 : Làm mẫu và phân tích động tác (Tư thế chuẩn bị: Cô đứng sau vạch xuất phát trong tư thế chân trước, chân sau. Tay cầm bóng cùng phía với chân ở phía sau. Khi có hiệu lệnh là 1 tiếng sắc xô, đưa bóng từ trước, xuống dưới ra sau, lên cao rồi ném mạnh bóng đi xa ở điểm tay đưa cao nhất, sau đó nhặt bóng đi về đứng cuối hàng)

- Trẻ thực hiện: Trẻ đứng thành 2 đội

 + Lần 1: Cho lần lượt 2 trẻ ở 2 đội lên thực hiện

 + Lần 2: Cho trẻ thi đua 2 đội, đội nào ném xong trước thì đội đó thắng.

( Cô quan sát động viên, sửa sai, khích lệ trẻ)

- Củng cố:

+ Vừa tập vận động gì?

+ Cho 1-2 trẻ tốt thực hiện lại

**c.Trò chơi VĐ: Đá bóng**

- Cô giới thiệu trò chơi “ Đá bóng”

- Hướng dẫn cách chơi: Chia trẻ thành 2 đội chơi. Trong thời gian một bản nhạc đội nào đá được nhiều bóng vào côn nhất đội đó sẽ chiến thắng.

- Cho trẻ chơi 1-2 lần.

- Nhận xét, kiểm tra kết quả, động viên khích lệ trẻ.

**3. Hoạt động 3: *Gà con về chuồng***

- Cho trẻ đi lại nhẹ nhàng 1-2 vòng quanh lớp.

**Đánh giá trẻ hàng ngày:**

1. ***Về tình trạng sức khỏe của trẻ***
* Sức khỏe trẻ tốt
1. ***Về trạng thái cảm xúc, thái độ và hành vi của trẻ***
* Trẻ hứng thú tham gia tiết học cùng cô.
1. ***Về kiến thức, kỹ năng của trẻ***
* Trẻ thực hiện được các kĩ năng theo yêu cầu

 ***Thứ ba, ngày 4 tháng 01 năm 2022***

 **- Tên hoạt động học: Nhận biết phía trước, phía sau của bản thân**

 **- Thuộc lĩnh vực: PTNT**

**I. Mục đích- Yêu Cầu**

- Trẻ nhận biết phía trước phía sau của bản thân.

- Rèn kỹ năng định hướng trong không gian, phân biệt được phía trước, phía sau của bản thân, nói được từ “ phía trước”, “phía sau”

*-* Trẻ mạnh dạn, tự tin tham gia các hoạt động.

**II. Chuẩn bị**:

1.Đồ dùng của cô: + Song loan.

 + Quạt mo

 + Nhạc: Thằng Bờm

2. Đồ dùng của trẻ: Mỗi trẻ 1 cái rổ đựng 1 cái quạt mo

**III. Tiến hành:**

**\* HĐ1: Ôn nhận biết phía trên phía dưới của bản thân trẻ.**

-Cho trẻ hát vận động theo bài “ *Thằng Bờm”*

- Bờm xuất hiện và giới thiệu lý do đến thăm lớp

- Bờm và trẻ chơi trò chơi “*Tay đẹp*”: Tay múa phía trên, phía dưới, … “*Giấu tay”*: Cả lớp cùng chơi, vừa chơi vừa nói vị trí của tay.

- Bờm khen trẻ và đố trẻ: “*Nghe vẻ nghe ve nghe vè Bờm đố.*

 *Cái đầu cái chân cái nào phía trên cái nào phía dưới*”.

 ( Đầu phía nào? Chân phía nào? )

* Cho cả lớp, tổ, cá nhân trẻ trả lời – Bờm khen trẻ

 “*Nghe vẻ nghe ve nghe vè Bờm đố.*

 *Cái bụng cái lưng cái nào phía trước cái nào phía sau”.*

( Bụng ở phía nào? Có nhìn thấy không? Lưng ở phía nào?)

* Cho nhiều cá nhân trẻ trả lời – Bờm khen trẻ

**\*H§2: Dạy trẻ nhận biết phía trước phía sau của bản thân**

**-** Bờm tặng mỗi trẻ 1rổ đựng1 quạt mo giống của Bờm.( Trẻ đi lấy rổ)

- Hỏi trẻ: + Bờm tặng gì cho các em đây?

 + Chúng mình hãy nhìn xem trong rổ có gì?

\* Nhận biết phía trước:

- Các em để rổ ở đâu? Vì sao các em nhìn thấy rổ? ( Cho cả lớp, cá nhân trả lời)

- Phía trước của các em có gì? (Gọi nhiều cá nhân)

=> Rổ ở trước mặt nhìn thấy được gọi là phía trước.

- Ngoài rổ ở phía trước ra các em còn nhìn thấy cái gì ở phía trước nữa?

- Các em hãy lấy quạt mo ra đặt ở phía trước mình nào?

+ Phía trước của các em có những gì?

+ Quạt mo ở phía nào của em?

( Cho cả lớp, tổ, ca nhân trả lời - Động viên, khích lệ trẻ)

\* Nhận biết phía sau:

- Bây giờ các em hãy cất rổ đi nào. Các em cất rổ ở đâu vậy?

- Các em có nhìn thấy rổ không? Vì sao các em không nhìn thấy?

(Cả lớp, tổ nhóm, cá nhân trả lời).

=> Rổ ở đằng sau không nhìn được gọi là phía sau. Phía sau là phía các em phải quay mặt lại mới nhìn thấy được.

- Động viên khen trẻ.

\* Liên hệ mở rộng:

- Các em hãy nhìn xem phía trước các em còn gì?

- Cho trẻ quạt phía trước theo Bờm.

+ Quạt ở phía nào đây? Vì sao em biết? ( Cả lớp nói, tổ, nhóm, cá nhân nói).

-Bờm và trẻ quạt ở phía sau:

+ Quạt ở phía nào đây? Có nhìn thấy quạt mo không? ( Cả lớp, tổ nhóm, cá nhân đan xen nhau nói).

=> Cô chốt: Khi để một vật nào đó trước mặt chúng ta nhìn thấy gọi là phía trước. Còn ở sau lưng không nhìn thấy được gọi là phía sau.

**\*HĐ3: Củng cố.**

**TC1:Ai giỏi nhất:**

**-** Giới thiệu trò chơi “ Ai giỏi nhất”

**-** Cách chơi: Khi cô nói phía nào trẻ sẽ để quạt mo ở phía đó.

- Cho trẻ chơi 2-3 lần: đổi vị trí “ Phía trước”, “Phía sau” và yêu cầu trẻ nói vị trí của đồ ở các phía theo yêu cầu

- Cô kiểm tra, hỏi trẻ kết quả, động viên khuyến khích trẻ.

**TC2: Ai nhanh hơn**

**-** Giới thiệu trò chơi “ Ai nhanh hơn”

- Cách chơi: Cô chia lớp làm 2 đội chơi. Khi nghe hiệu lệnh của cô. Cô hô nhảy về phía nào thì trẻ sẽ nhảy về phía đó thật nhanh.Trẻ nhảy nhanh và đúng hiệu lệnh của cô trẻ đó là người thắng cuộc. Trẻ nào thực hiện không đúng sẽ nhảy lò cò.

- Cho trẻ chơi 3-4 lần: sau mỗi lần kiểm tra, yêu cầu trẻ nói phía trẻ nhảy “ Phía trước”, “Phía sau”.

- Động viên, khích lệ trẻ.

 ***Thứ tư, ngày 5 tháng 01 năm 2022***

 **- Tên hoạt động học: Vận động: Rửa mặt như mèo**

 **- Thuộc lĩnh vực: PTTM**

**I. Mục đích – yêu cầu:**- Trẻ nhớ tên bài hát, tên tác giả, thuộc lời bài hát, biết múa một số động tác theo lời, giai điệu bài hát “ Rửa mặt như mèo”.

- Rèn kĩ năng múa nhịp nhàng các động tác tay, chân theo lời, theo giai điệu bài hát một cách vui vẻ, hồn nhiên.

- Giáo dục trẻ biết yêu quý các con vật nuôi. Hứng thú tham gia các hoạt động.

**II. Chuẩn bị:**

 - Nhạc bài hát: “Rửa mặt như mèo” của tác giả: Hàn Ngọc Bích, “Em dắt trâu ra đồng”- Minh Châu.

- Ô số:

+ Ô số 1: Bức tranh về con gà trống

+ Ô số 2: Bản nhạc bài hát: Gà trống mèo con và cún con.

+ Ô số 3: Tiếng trống

+ Ô số 4: Bản nhạc: Rửa mặt như mèo.

- Vòng, xắc xô

**III.Tiến hành:**

**HĐ1:“ Thử tài của bé”**

- Giới thiệu trò chơi: Thử tài của bé.

- Giới thiệu cách chơi: Chia lớp làm 3 đội, 3 đội trưởng lên bắt thăm ô số của đội mình. Bắt được ô số nào thì sẽ lật ô đó lên :nghe bản nhạc hoặc dụng cụ, hoặc hình ảnh để đoán tên, hát bài hát đó. Đội nào đoán đúng sẽ thắng cuộc.

- Tổ chức cho trẻ chơi: 1- 2 lần.( Bản nhạc cuối là bài hát: Rửa mặt như mèo)

- Cho trẻ nói tên bài hát và tên tác giả.( Cả lớp, cá nhân).

**HĐ2**: **Rửa mặt như mèo**

- Cô giới thiệu bài hát: « Rửa mặt như mèo » của tác giả Hàn Ngọc Bích.

- Cô và trẻ hát bài hát theo nhạc: 2-3 lần.

- Hỏi trẻ: Để bài hát hay hơn thì có thể sử dụng vận động nào ?( Cho trẻ nêu ý tưởng).

- Cô giới thiệu vận động múa minh họa

- Cô múa lần 1: không nhạc

- Cô múa lần 2 kết hợp phân tích động tác:

+ Câu 1: Meo meo rửa mặt như mèo: thì hai tay cô giả làm động tác vuốt râu.

+ Câu 2: Xấu xấu lắm chẳng được mẹ yêu : Tay vẫy .

+ Câu 3: Khăn mặt đâu mà ngồi liếm láp : Cô chỉ tay .

+ Câu 4: Đâu mắt rồi lại khóc meo meo : Cô để 2 tay ngang mắt giả làm động tác khóc.

- Cả lớp vận động cùng cô 3- 4 lần.

- Thi đua tổ, nhóm, cá nhân vận động ( Cô chú ý sửa sai, động viên trẻ)

- Cá nhân trẻ biểu diễn : 1-2 trẻ.

- Cả lớp vận động 1 lần.

**H§3: Hát nghe “Em dắt trâu ra đồng”**

- Giới thiệu bài hát: “ Em dắt trâu ra đồng ” của nhạc sĩ Minh Châu.

- Cô hát cho trẻ nghe 2 lần.

+ Lần 1+ 2: Cô hát kết hợp với nhạc.

+ Lần 3: Trẻ hưởng ứng cùng cô. Cô động viên khích lệ trẻ

**Đánh giá trẻ hàng ngày:**

1. ***Về tình trạng sức khỏe của trẻ***

........................................................................................................................................................................................................

1. ***Về trạng thái cảm xúc, thái độ và hành vi của trẻ***

.......................................................................................................................................................................................................

1. ***Về kiến thức, kỹ năng của trẻ***

.......................................................................................................................................................................................................

 ***Thứ năm, ngày 6 tháng 01 năm 2022***

 **- Tên hoạt động học: Thơ “ Đàn gà con”**

 **- Thuộc lĩnh vực: PTNN**

**I. Mục đích yêu cầu:**- Trẻ nhớ tên bài thơ, tên tác giả, thuộc thơ và hiểu nội dung bài thơ: “Đàn gà con” của nhà thơ Phạm Hổ.

- Rèn kỹ năng chú ý lắng nghe, đọc to, rõ ràng, trả lời câu hỏi của cô, trả lời đủ câu.

- Trẻ yêu quý, bảo vệ các con vật nuôi. Hứng thú, tích cực tham gia các hoạt động

**II.Chuẩn bị:**

- Sa bàn rối bài thơ “Đàn gà con” ,

- Mũ gà.

- Nhạc bài: Đàn gà con

**HĐ1: Gà trong vườn rau**

- Cô giới thiệu luật chơi cách chơi ( Trẻ chơi 1- 2 lần).

- Vừa rồi chúng mình chơi trò chơi gì?

- Trong trò chơi có con gì? Gà được nuôi ở đâu?

=>Cô hệ thống giáo dục trẻ: Bảo vệ chăm sóc các con vật nuôi.

**HĐ2: Đàn gà con**

\* Cô giới thiệu tên bài thơ: Đàn gà con của tác giả : Phạm Hổ.

- Cô đọc diễn cảm lần 1+ giải thích nội dung bài thơ: Từ mười quả trứng được mẹ gà ấp ủ thành 10 chú gà con thật dễ thương, có mỏ tí hon, có chân bé xíu, lông vàng, mắt đen sáng ngời.

- Cô đọc diễn cảm lần 2 :+ Sa bàn

\* Đàm thoại:

- Cô đọc cho chúng mình bài thơ gì? Của ai?

- Bài thơ nói đến con gì?

- Bài thơ nhắc đến bao nhiêu quả trứng? Được mẹ gà ấp thì điều gì xảy ra?

+ Cái mỏ gà con như thế nào?

+ Cái chân làm sao?

+ Lông chú gà con có màu gì? Mắt như thế nào?

=> Cô khái quát lại: Giáo dục trẻ biết chăm sóc, bảo vệ con vật nuôi trong gia đình.

\* Bé đọc thơ:

- Cả lớp đọc 3- 4 lần.

- Thi đua tổ, nhóm, cá nhân xen kẽ.( Cô sửa sai, khuyến khích động viên trẻ)

- Cả lớp đọc lại 1 lần

**HĐ3: Đàn gà con**

- Cô và trẻ cùng hát và vận động theo bài: Đàn gà con.

- Hát 2- 3 lần.

**HĐ4: Kết thúc**

**Đánh giá trẻ hàng ngày:**

1. ***Về tình trạng sức khỏe của trẻ***

........................................................................................................................................................................................................

1. ***Về trạng thái cảm xúc, thái độ và hành vi của trẻ***

.......................................................................................................................................................................................................

1. ***Về kiến thức, kỹ năng của trẻ***

 ................................................................................................................................................................................................

***Thứ sáu, ngày 7 tháng 01 năm 2022***

 **- Tên hoạt động học: Làm con trâu bằng lá mít**

 **- Thuộc lĩnh vực: PTTM**

**I. Mục đích yêu cầu:**

- Trẻ biết làm con trâu bằng lá mít, biết xé theo gân lá làm sừng, buộc nịt làm thân trâu.

 - Rèn luyện kĩ năng xé, buộc cho trẻ. Rèn sự khéo léo của đôi tay.

- Giáo dục trẻ biết yêu quý sản phẩm do mình tạo ra. Trẻ hứng thú tích cực tham gia các hoạt động.

**II. ChuÈn bÞ**:

- Đồ dùng của cô:

+ Con trâu bằng lá mít, mô hình đồng cỏ, sân khấu, trống hội.

+ Video clip chọi trâu Đồ Sơn.

- Đồ dùng của trẻ: Lá mít, dây nịt cho trẻ, sân khấu cỏ để trẻ trưng bày sản phẩm.

- Nhạc: “Em dắt trâu ra đồng”.

**III. Tiến hành:**

**HĐ1: Đồ vật bí ẩn**

- Tạo tình huống Bờm Và Phú ông đến thăm lớp. Bờm mời cả lớp đi xem hội chọi trâu Đồ Sơn( Xem clip).

- Đàm thoại:

+ Chúng mình vừa xem lễ hội gì?

+ Lễ hội chọi trâu diễn ra ở đâu?

+ Trong lễ hội con thấy con trâu màu gì? Có gì?

* Cô khái quát lại đặc điểm của con trâu.

**HĐ2: Món quà bất ngờ**

- Bờm tặng cho trẻ hộp quà. Cho trẻ mở quà.

- Đàm thoại :

+ Bờm tặng gì cho chúng mình đây? ( Cho trẻ chuyền tay nhau quan sát con trâu bằng lá mít.)

+ Các em có nhận xét gì về con trâu này? (Con trâu được làm bằng gì? Có những phần nào?( Cô chỉ phần đầu, thân hỏi trẻ). Làm như thế nào?

+ Các em có thích làm con trâu như thế này không?

* **Cô làm mẫu:** Đầu tiên a Bờm lấy 1 chiếc lá mít, muốn tạo được cái sừng a Bờm sẽ xé theo đường gân của lá tạo thành sừng, sau đó anh uốn 2 cánh lá 2 bên dùng nịt buộc lại tạo thanhfh mình. Như vậy anh được con trâu rồi đấy. Muốn con trâu thêm sinh động đẹp hơn anh dán thêm mắt cho trâu.

**HĐ3: Bé yêu trổ tài**

- Cô cho trẻ lấy đồ dùng về chỗ ngồi. (Hỏi lại trẻ cách làm)

- Trẻ thực hiện làm con trâu.( Cô quan sát, động viên, hướng dẫn trẻ chưa thực hiện được).

**HĐ4: Bài đẹp của con**

- Cho trẻ trưng bày sản phẩm của mình ở mô hình đồng cỏ.

- Trẻ quan sát sản phẩm của mình và của bạn:

+ Con làm được gì?

+ Làm con trâu như thế nào?

+Con thích bài của bạn nào nhất? Vì sao?

( Cô nhận xét chung, động viên, khen ngợi trẻ).

**HĐ5: Kết thúc**

* Cô và trẻ hát : “Em dắt trâu đi ra đồng”. Kết thúc hoạt động.

**Đánh giá trẻ hàng ngày:**

1. ***Về tình trạng sức khỏe của trẻ***

........................................................................................................................................................................................................

1. ***Về trạng thái cảm xúc, thái độ và hành vi của trẻ***

.......................................................................................................................................................................................................

1. ***Về kiến thức, kỹ năng của trẻ***

.......................................................................................................................................................................................................